

BÀI NÓI CHUYỆN VỀ NHẠC SĨ HOÀNG TRỌNG - L.S. Phạm Đức Tiến

(Trong ngày Tưởng Nhớ Nhạc Sĩ Hoàng Trọng tại James Lee Theater - July 20, 2008)

Kính thưa quý vị,

Vào thế kỷ 18 một nhạc sĩ nhạc cổ điển Tây Phương có lần nhận xét:

“ Nhạc hay là nhạc làm cho nước mắt của đàn bà nhỏ xuống, và làm cho ngọn lửa trong lòng đàn ông bùng lên ”.

Tôi không biết đã có bao nhiêu nhạc sĩ đạt được trình độ đó nhưng rõ ràng lòng chúng ta bùng lên sôi động mỗi khi nghe những hùng ca và tim chúng ta trùng xuống ngậm ngùi mỗi khi nghe những sầu khúc, cũng như tinh thần chúng ta lắng đọng giữa những khúc nhạc nghi lễ trang nghiêm.

Thực ra trong thiên nhiên đã có âm nhạc: thứ âm nhạc tự nhiên. Đó là những âm thanh tạo ra từ tiếng mưa rơi, tiếng suối reo, tiếng sóng vỗ, tiếng chim hót. Nhưng chỉ khi con người phối hợp được những âm thanh đó với thời gian và đặt ra qui luật phối hợp, âm nhạc mới trở thành một nghệ thuật. Một nghệ thuật có trường độ, có cao độ. Một nghệ thuật diễn tả cảm xúc của con người đầy đủ nhất. Từ đó âm nhạc đã thành một phần của đời sống của chúng ta.

Giữa những huyền hoặc trong cuộc đời, âm nhạc xuất hiện như một cứu rỗi. Âm nhạc an ủi ta khi ta đối diện với cô đơn, âm nhạc vượt ve ta khi ta chìm đắm trong nhớ nhung, âm nhạc thúc đẩy ta khi ta chán hoà niềm vui sướng.

Từ thứ âm nhạc không lời tới thứ âm nhạc có lời hát là một thời gian khá dài. Khi lời được đưa vào một bài nhạc để thành một ca khúc thì âm nhạc đã phổ biến đến độ trở thành một sinh hoạt thường trực cho đời sống tinh thần.

Tân nhạc Việt mà quý vị nghe hàng ngày bây giờ chỉ mới xuất hiện từ đầu thế kỷ 20 khi văn hoá Tây Phương bắt đầu du nhập vào Việt Nam. Trong giai đoạn sơ khai của tân nhạc Việt Nam vào những năm cuối của thập niên 30 số nhạc sĩ đếm trên đầu ngón tay. Hoàng Trọng là một trong những nhạc sĩ tiên phong đó. Ông đã xây dựng nền móng cho tân nhạc Việt trong giai

đoạn phối tấu này cùng với những nhạc sĩ tiên phong khác của nền Tân Nhạc Việt Nam như Dương Thiệu Tước, Lê Thương, Nguyễn Xuân Khoát.

Bản nhạc đầu tay của ông được sáng tác vào năm 1938 khi ông mới 16 tuổi là bài *Đêm Trăng*, còn có tên là *Vàng Trăng Sáng*. Ngay từ những sáng tác đầu, nhạc của ông đã được chú ý. Phạm Duy sau này có kể lại là khi còn làm ca sĩ chính ông đã hát một trong những bài đầu tay của Hoàng Trọng là bài *Tiếng Đàn Ai* và Phạm Duy thú nhận bài này đã gợi hứng cho ông viết nên bài *Tiếng Đàn Tôi* sau này.

Sinh năm 1922 tại Hải Dương, nhưng lớn lên tại Nam Định, Hoàng Trọng, đã có khiếu âm nhạc từ nhỏ. Năm 11 tuổi ông đã bắt đầu học nhạc với người anh ruột. Sau đó ông tiếp tục nghiên cứu âm nhạc qua sách vở và theo học hàm thụ với một trường nhạc bên Pháp.

Không những say mê âm nhạc, Hoàng Trọng còn có khiếu tập hợp và tổ chức. Mới 15 tuổi, cùng hai người anh em trong nhà và mấy người bạn, ông đã tạo ra ban nhạc đầu tiên đặt tên là Thiên Thai trình diễn thường xuyên mỗi tối tại phòng trà Thiên Thai cũng do chính ông lập ra. Thời kỳ này cũng là thời kỳ hàm tiếu của tân nhạc Việt.

Năm 1946, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, Hoàng Trọng phải di tản khỏi Hải Dương rồi về Hà Nội năm 1947. Đánh dấu một giai đoạn mới.

Những năm đầu của thập niên 50 tân nhạc Việt đã phát triển sang giai đoạn nở rộ. Sống tại Hà Nội Hoàng Trọng sáng tác mạnh mẽ, nhạc của ông được giới thiệu rộng rãi qua làn sóng điện. Đặc biệt những bản nhạc ông viết theo điệu tango đã được tán thưởng nhiệt liệt tới độ giới thưởng ngoạn hồi đó mệnh danh ông là “Vua Tango”.

Sau khi di cư vào Nam năm 1954, Hoàng Trọng sáng tác mạnh mẽ hơn nữa. Một loạt những ca khúc mới viết trong tâm tình của người xa quê đã được hát hàng ngày trên luồng sóng điện. Tới thập niên 70, khi điện ảnh Việt Nam bắt đầu khởi sắc, Hoàng Trọng lại chứng tỏ tài năng khác: ông viết nhạc cho phim. Tổng cộng ông đã viết nhạc cho 16 phim và ông đã đoạt giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật 1972-1973 cho bộ môn nhạc viết cho điện ảnh.

Đóng góp của ông vào âm nhạc Việt Nam không chỉ giới hạn trong sáng tác và hòa âm. Hoàng Trọng còn tích cực phát triển nền Tân Nhạc Việt Nam bằng việc lập ra những ban nhạc để phổ biến tân nhạc qua làn sóng các đài

phát thanh và truyền hình. Từ ban nhạc đầu tiên mang tên Thiên Thai, ông còn lập nhiều ban như ban Hoàng Trọng, Tây Hồ, Đất Nước Mến Yêu.

Nhưng có lẽ đóng góp thành công nhất là ban Tiếng Tơ Đồng thành lập năm 1967. Tiếng Tơ Đồng, nơi qui tụ những nhạc sĩ có tên tuổi, những ca sĩ hàng đầu, đã đặt một tiêu chuẩn mới cho việc trình diễn tân nhạc: Đây là ban nhạc Hợp Xướng trình bày những tác phẩm chọn lọc từ tiền chiến tới hiện đại với những hòa âm công phu do chính ông soạn. Tiếng Tơ Đồng đã được đánh giá rất cao về phương diện nghệ thuật. Hôm nay chương trình tưởng niệm Hoàng Trọng sẽ là một vọng khúc của Tiếng Tơ Đồng ngày xưa đó.

Hoàng Trọng trưởng thành trong một đất nước chiến tranh. Một đất nước mà con người phải đối diện với hận thù hàng ngày, một hoàn cảnh mà con người phải lựa chọn chiến tuyến mỗi giây phút. Đó là một hoàn cảnh đau xót cho nghệ sĩ với tình yêu con người và quê hương không hận thù. Nhưng giữa hoàn cảnh nghiệt ngã đó, ông vẫn sống vẫn thở, vẫn sáng tác trong thế giới của riêng ông như một nghệ sĩ chân chính. Ông không để cho những hình ảnh thời sự len vào nhạc của ông. Hoàng Trọng thuộc dòng lãng mạn tiền chiến, Từ bài nhạc đầu tay “Đêm Trăng” viết năm 1938, ta đã thấy dòng lãng mạn đã xuất hiện qua những câu: *“Lòng sầu vương buồn lan theo gió, nhớ thương ai khắc khoải chờ mong”* Hai mươi năm sau, trong “Trăng Sầu Viễn Xứ” chúng ta vẫn thấy dòng lãng mạn đó tiếp tục: *“Tình đời nhiều nỗi u buồn gửi gắm tâm hồn theo cánh gió”*, và bốn mươi năm sau, trong ca khúc “Chiều Rơi Đó Em” viết cho người bạn nghệ sĩ, cũng là người bạn đời, người đã sống bên cạnh ông tới ngày cuối đời, dòng lãng mạn vẫn hoàn toàn không đời đời: *“ Tình buồn héo tim anh, đời buồn đã cho anh duyên mỏng manh... Thà để anh dưới trời sương, lòng thắm mơ bóng người thương...”*

Dòng lãng mạn đó là lướt nhưng không lướt. Thơ mộng nhưng không ủy mị. Tiếng nhạc dung dị, không dễ dãi bình dân, không kên kieu cao xa. Nhạc của ông mang những hình ảnh gần gũi nhất với tâm hồn con người. Đó là những hình ảnh quê hương, và rất nhiều hình ảnh thiên nhiên như đêm trăng, chiều mưa, lá vàng; đó là nỗi nhớ xa vời, đó là những ngày đã mất, những tình đã quên, những chia tay chắt ngát, những hồi tưởng ngậm ngùi.

Ông không thỏa hiệp dễ dãi với thị hiếu xã hội nên nhạc của ông không có nhiều hình ảnh thời cuộc như nhiều nhạc sĩ khác. Viết giữa thời chiến tranh, nhưng nhạc của ông không có bùng nổ bom đạn, không có ba lô trên lưng, không có súng đạn trên vai; nhưng trong những bài nhạc buồn vẫn thấy dấu

vết của chiến tranh chia lìa, của mất mát đau xót. Và trên hết trong cái đau xót của con người vẫn phảng phất không khí lãng mạn đầu đó. Trong hơn bốn mươi năm sáng tác với gần một nửa đề tài là quê hương ông giữ nguyên vẹn một cõi nhạc trong suốt, rất tha thiết, rất thơ mộng.

Những người sống gần ông đều có nhận xét là Hoàng Trọng rất ít nói. Ông sống âm thầm như một cái bóng. Tôi không nghĩ như vậy. Với gần 200 tác phẩm được viết trong 40 năm ông nói nhiều lắm chứ? Không những nhiều mà còn dồi dào những đề tài tha thiết ướm át của mọi hoàn cảnh. Tôi còn nhớ một thi sĩ Mỹ Tây Cơ, Octavia Paz, người được giải Nobel Văn Chương năm 1990 đã định nghĩa về thơ của ông như sau:

*“Giữa những điều tôi thấy và những điều tôi nói ra
Giữa những điều tôi nói ra và những điều tôi yên lặng
Giữa những điều tôi yên lặng và những điều tôi mơ mộng
Giữa những điều tôi mơ mộng và những điều tôi quên lãng
Đó là thơ”*

Có lẽ nhạc cũng không khác xa với thơ bao nhiêu. Có lẽ nhạc của Hoàng Trọng cũng nằm giữa những điều ông yên lặng và những điều ông mơ mộng. Giữa những điều ông mơ mộng và những điều ông quên lãng. Vì thế nhạc của ông đã nói lên tất cả. Không cần ngôn ngữ thông thường. Thứ ngôn ngữ là lướt ông xử dụng đó chuyển đạt tới rất xa. Nó vươn tới những người đang bơ vơ trong nỗi cô đơn, đang mơ mộng trong cõi yêu đương. Nó gọi dậy biết bao điều mà ngôn ngữ thông thường không chuyên chở hết được.

Hôm nay kỷ niệm mười năm ngày ông ra đi vào cõi vô cùng. Hoàng Trọng không những để lại một gia tài to lớn cho âm nhạc Việt với gần 200 bản nhạc, ông còn để lại một thế hệ đầy năng lực âm nhạc tiếp tục con đường của ông. Những Đô, những Fa, những La, những Mi, những Út, những người con được ông đặt tên bằng nốt nhạc mà ông kỳ vọng nay đều là những nhạc sĩ tài năng. Người thì sáng tác, người thì đàn, người thì hát. Những người con của ông và cả thế hệ cháu ông đang nối tiếp cuộc hành trình ông khởi hành 70 năm trước.

Có lẽ điều đặc biệt nhất Hoàng Trọng để lại là khả năng chuyên chở tới người nghe những tâm tư khác nhau của con người. Tâm tư của con người khi xa quê hương, của con người khi yêu đương, của con người khi cô đơn, của con người khi nhung nhớ. Những tâm tư đó dường như ai cũng có phần chia sẻ. Hoàng Trọng đã đưa những tâm tư đó vào những giai điệu trữ tình

nên khi nghe người nghe thấy chính mình trong đó. Đó là khả năng đặc biệt của một nghệ sĩ .

Trong bài thơ “Lệ Đá Xanh”, thi sĩ Thanh Tâm Tuyền có viết:

*“Tôi biết những người khóc lẻ loi
hồn không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình”*

Không phải ai cũng có thể nghe được những tiếng khóc lẻ loi, không phải ai cũng thấy được những giọt lệ rơi trong tim. Chỉ những người có tâm hồn thật bén nhạy mới nghe được, mới thấy được những những điều đó. Và cũng chỉ những nghệ sĩ có năng khiếu đặc biệt mới có khả năng truyền đạt những cảm nhận đó tới người nghe. Qua những dòng nhạc của Hoàng Trọng, chúng ta thấy ông đã nghe những tiếng khóc lẻ loi đó, đã thấy những giọt lệ rơi âm thầm đó để biến thành những sầu khúc thánh thót của cõi nhạc lãng mạn một thời.

Tôi nghĩ với tài năng đó ông rất xứng đáng một chỗ ngồi trên chiếu hoa của âm nhạc Việt cận đại.

Xin cảm ơn quý vị.



L.S. Phạm Đức Tiến